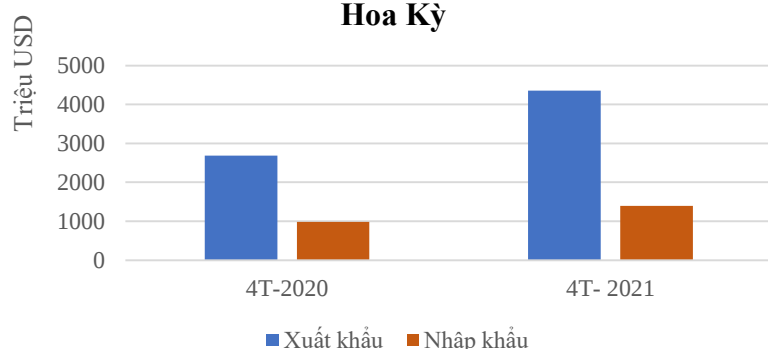


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



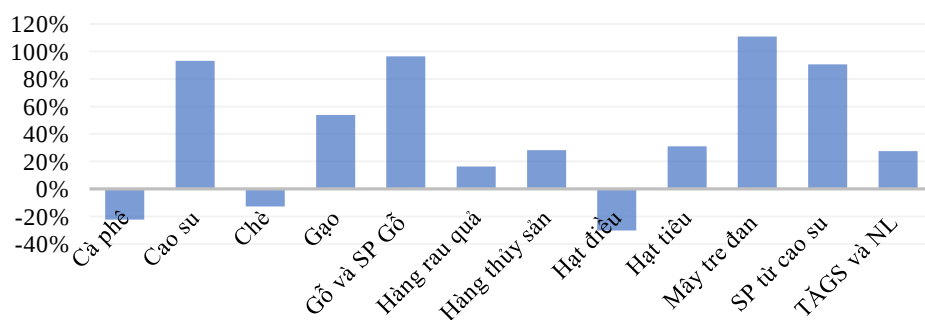
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



**So sánh Kim ngạch XNK
NLTS Việt Nam – Hoa
Kỳ (4T – 2021/2020)**

Xuất khẩu	▲ 62%
Nhập Khẩu	▲ 41,9%

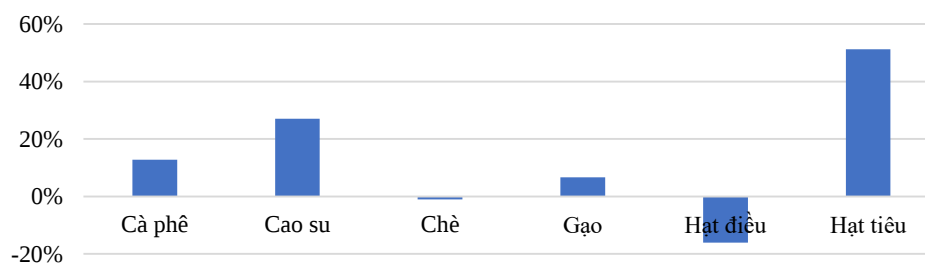
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 4T-2021



So sánh 4T- 2021/2020

Cà phê	▼ 22,15%
Cao su	▲ 93,28%
Chè	▼ 12,65%
Gạo	▲ 53,93%
Gỗ và SP Gỗ	▲ 96,44%
Rau quả	▲ 16,36%
Thủy sản	▲ 28,16%
Hạt điều	▼ 30,08%
Hạt tiêu	▲ 31%
Mây tre đan	▲ 110,95%
SP từ cao su	▲ 90,53%
TĂGS và NL	▲ 27,61%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 4/2021



**So sánh giá xuất khẩu
bình quân T4-2021/2020**

Cà phê	▲ 12,79%
Cao su	▲ 27,01%
Chè	▼ 0,98%
Gạo	▲ 6,66%
Hạt điều	▼ 16,08%
Hạt tiêu	▲ 51,23%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, kim ngạch xuất khẩu NLTS của Việt Nam ra thế giới đạt xấp xỉ 3.895 triệu USD, giảm 72,4 triệu USD (1,82%) so với tháng 3/2021 và tăng gần 1.138 triệu USD (41,26%) so với cùng kỳ năm 2020. NLTS chiếm 14,67% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước trong tháng này.

Cũng trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu 1.194 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 7,38% so với tháng 3/2021 và tăng đột biến ở mức 98,29% so với tháng 4/2020. Hoa Kỳ vẫn luôn là thị trường dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng NLTS của Việt Nam, chiếm 4,50% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam ra thế giới và chiếm 30,65% tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS cả nước.

So với tháng 3/2021, một số mặt hàng NLTS Việt Nam sang Hoa Kỳ có dấu hiệu giảm sút trong khi có những mặt hàng có biến chuyển rất tích cực. Gỗ và sản phẩm gỗ vốn là mặt hàng có kim ngạch lớn nhất của Việt Nam trên thị trường này, chiếm 21,13% về giá trị xuất khẩu, cũng giảm tương đối nhiều (104,5 triệu USD, giảm 11,26%). Cao su, gạo, sản phẩm từ cao su và cà phê cũng giảm rất mạnh, lần lượt là 70,16%, 38,19%, 14,29% và 10,19%. Ở chiều ngược lại, các mặt hàng rau quả, hạt điều, sản phẩm mây tre cói thảm, thức ăn gia súc và nguyên liệu lại tăng trưởng tốt, đặc biệt là hàng rau quả và hạt điều với mức tăng trưởng lần lượt là 56,01% và 15,33%. Chè và hàng thủy sản tăng giảm không đáng kể. Tuy nhiên, so với cùng kỳ tháng 4/2020, tất cả các mặt hàng NLTS của Việt Nam, chỉ trừ cao su và hạt điều, đều tăng mạnh, đặc biệt ghi nhận tăng trưởng lớn ở mức ba con số ở sản phẩm mây, tre, cói và thảm (227,45%), gỗ và sản phẩm gỗ (173,6%), gạo (172,51%) và sản phẩm từ cao su (127,23%).

Việc xuất khẩu cà phê sang Hoa Kỳ vẫn gặp nhiều khó khăn do cước vận chuyển từ Châu Á sang Hoa Kỳ vẫn không ngừng tăng lên, chỉ số cước vận chuyển quốc tế hàng ngày của Freightos Baltic đã cho thấy cước vận chuyển giao ngay tuyến từ châu Á đến Bờ Tây nước Mỹ ở mức 4,797 USD/FEU (đơn vị tương đương container 40 foot) và giá cước vận chuyển từ châu Á đến Bờ Đông nước Mỹ ở mức 6,306 USD/FEU. Như vậy, giá của cả hai tuyến này đều gần mức cao nhất từ trước tới nay. Theo công ty Xeneta, giá cước vận chuyển của các hợp đồng vận chuyển tuyến châu Á đến bờ Tây nước Mỹ đang được đàm phán trong năm nay ở mức cao hơn năm ngoái khoảng 30% -50%. Trong khi đó, con số của Poskus đưa ra cao gấp đôi Xeneta, mức tăng giá cố định hơn 100% trên tuyến châu Á đến bờ Tây nước Mỹ và khoảng 75% tuyến châu Á đến bờ Đông nước Mỹ. Ngoài ra, hầu hết mọi giá hợp đồng đều phải chịu phụ phí mùa cao điểm (PSS), vì vậy giá cũng không cố định một cách chính xác. Cuộc khủng hoảng công suất trên tuyến vận chuyển châu Á - Bắc Mỹ đang trở nên tồi tệ hơn. Các nhà nhập khẩu ở Mỹ phải đối mặt với sự chậm trễ nghiêm trọng hơn trước khi công suất của các hãng vận tải container đã ở mức tối đa. tháng Năm được dự báo sẽ là tháng tồi tệ nhất. Vì một số chủ hàng sẽ phải xếp hàng chờ đợi để đặt được chỗ do tình trạng tồn đọng hàng hóa ngày càng tăng ở châu Á, điều sắp xảy ra là một số nhà nhập khẩu thậm chí sẽ không thể có chỗ để vận chuyển hàng

Doanh thu bán thủy sản tươi tại các siêu thị Hoa Kỳ trong tháng 4/2021 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020, trong khi doanh số bán hàng đông lạnh và các sản phẩm chế biến, bảo quản giảm. Theo đó, doanh thu bán thủy sản tươi tháng 4/2021 tăng 11,5% so với tháng 4/2020, đạt 552 triệu USD. So với tháng 4/2019, doanh thu thủy sản tươi tháng 4/2021 tăng 26,5%, cho thấy mức tăng mạnh ngay cả khi so sánh với số liệu thống kê trước đại dịch. Trong khi đó, doanh thu bán thủy sản đông lạnh tháng 4/2021 giảm 11,2% so với tháng 4/2020, xuống 545 triệu USD, nhưng vẫn tăng 31% so với tháng 4/2019; doanh thu bán thủy sản chế biến giảm 25%, xuống 186 triệu USD. Các con số thống kê cho thấy tiêu dùng thủy sản của Hoa Kỳ đã tăng mạnh trong đại dịch và có xu hướng kéo dài. Dự báo tiêu thụ thủy sản tươi và đông lạnh sẽ tiếp tục tăng trong vài tháng tới so với mức bình thường trước đại dịch.

Ngày 30/4/2021 Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã thông báo về việc đình chỉ xuất khẩu tôm tự nhiên của Mê-hi-cô vào nước này vì những nỗ lực bảo vệ rùa biển của Mê-hi-cô “không tương đương với Hoa Kỳ”. Theo đó, Mê-hi-cô chỉ có thể được xuất khẩu tôm nuôi vào Hoa Kỳ. Năm 2020, Hoa Kỳ cũng đã có động thái tương tự đối với mặt hàng tôm tự nhiên của Trung Quốc và Vê-nê-du-ê-la. Luật Liên bang Hoa Kỳ cấm nhập khẩu tôm đánh bắt tự nhiên, trừ khi các quan chức Liên bang xác nhận rằng nước xuất khẩu đã áp dụng các biện pháp bảo vệ rùa biển và tỷ lệ rùa mắc lưới ngẫu nhiên tương đương với tỷ lệ đó của Hoa Kỳ, hoặc phương thức ngư dân đánh bắt tôm không đe dọa rùa biển.

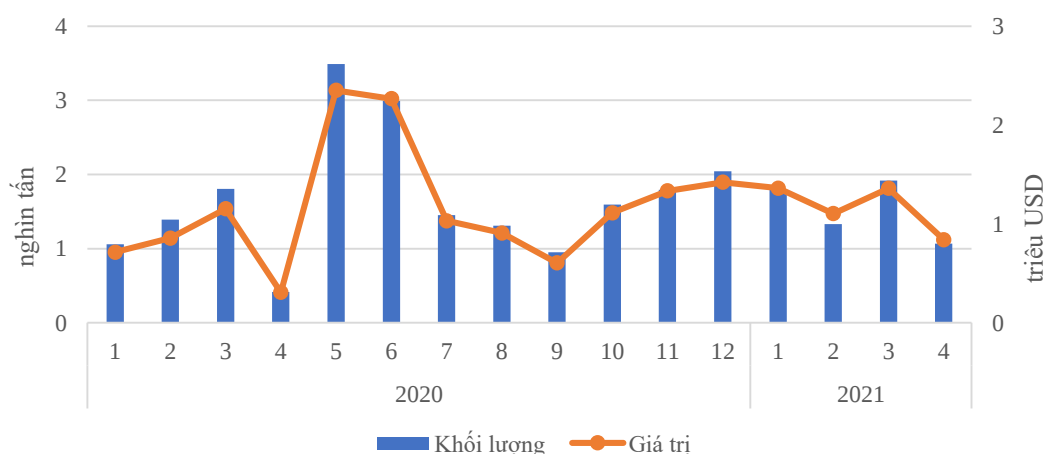
Hiện giao dịch gạo trên thị trường nội địa Hoa Kỳ tương đối trầm lắng do nguồn cung hạn chế cũng như người nông dân đang tập trung vào việc bắt đầu trồng vụ mùa mới. Theo USDA, hiện bang Texas đã bắt đầu xuống giống tuy nhiên tiến độ chậm hơn so với năm ngoái khi hiện mới chỉ gieo trồng được khoảng 70% diện tích, thấp hơn so với mức 90% của cùng kỳ năm ngoái. Ước tính việc gieo trồng có thể hoàn thành trong vòng 2 tuần nữa nếu không có sự bất lợi bất thường nào về thời tiết diễn ra. Tình trạng gieo trồng với tiến độ chậm cũng diễn ra tương tự ở khu vực đồng bằng Mississippi (gồm Louisiana và Arkansas), tuy nhiên dự kiến việc gieo trồng sẽ sớm được đẩy mạnh trở lại cho đến tháng 5/2021.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1,1 nghìn tấn gạo, trị giá 0,8 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 44,3% về khối lượng và 38,2% về giá trị so với tháng trước; và tăng 155,5% về khối lượng và 172,5% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt 6,1 nghìn tấn, trị giá 4,7 triệu USD, tăng 30,8% về khối lượng và 53,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

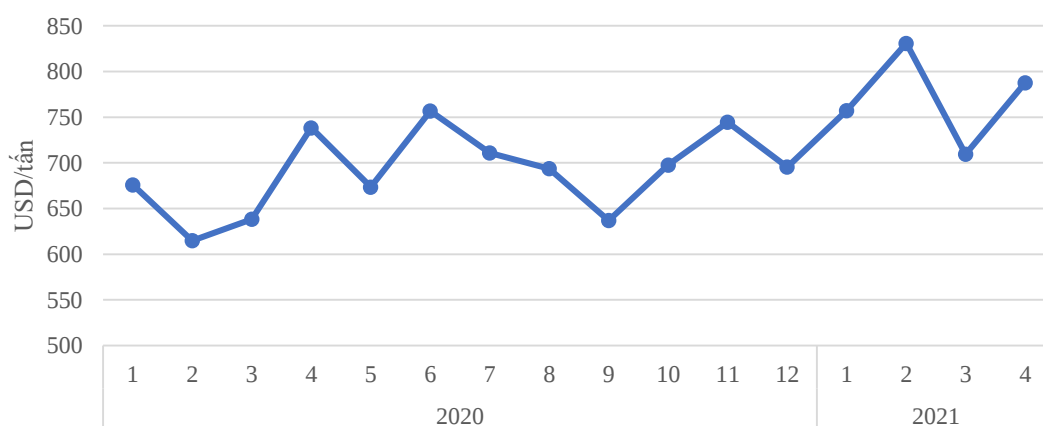
Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2021 đạt 789,5 USD/tấn, tăng 11,0% so với tháng trước và 6,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

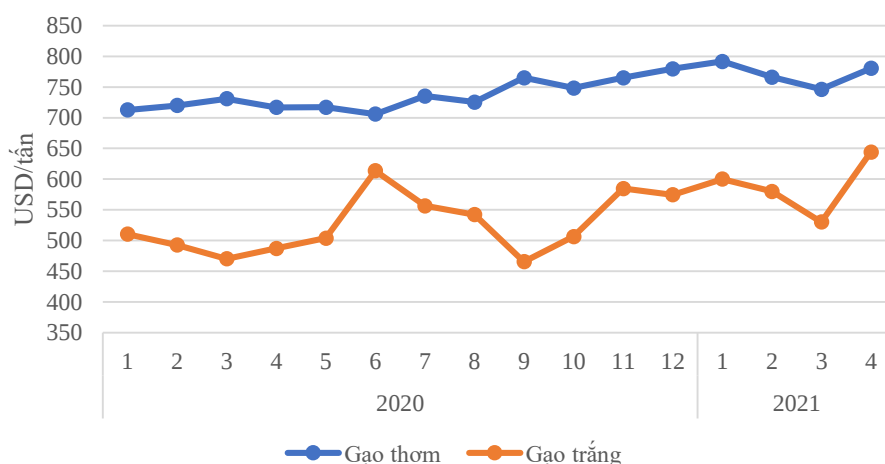


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 0,9 nghìn tấn, trị giá 0,7 triệu USD (chiếm 83,9% về khối lượng và 87,9% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 35,4% về khối lượng và 57,0% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo trắng đạt 0,1 nghìn tấn, trị giá 0,05 triệu USD (chiếm 9,8% về khối lượng và 6,4% về giá trị). Trong cùng kỳ năm ngoái, Việt Nam đã không xuất khẩu gạo trắng, nhưng có xuất khẩu loại này trong tháng 4/2021.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 4/2021 đạt trung bình 780,4 USD/tấn, tăng 4,6% so với tháng trước và 8,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo trắng đạt 644,0 USD/tấn, tăng 21,5% so với tháng trước và 32,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3. Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

Trong tháng 4/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Phước Đạt, Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon, và Công ty CP Soharice. Ba công ty này chiếm lần lượt 25,9%, 19,9%, và 14,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 4/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty CP Phước Đạt không xuất khẩu trong tháng 4/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 4/2021, còn Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon tăng 84,7%, và Công ty CP Soharice giảm 51,7%.

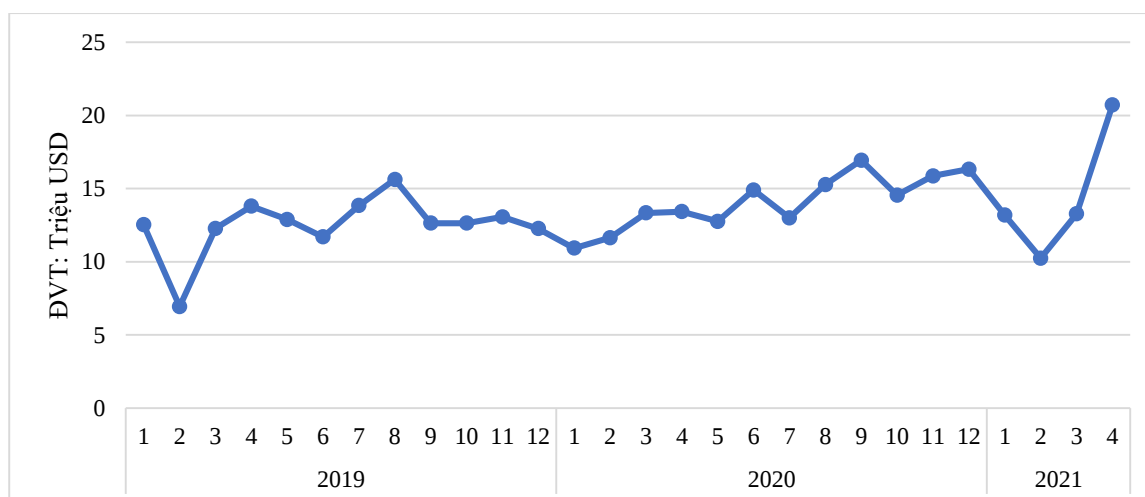
2. RAU QUẢ

Theo Trademap, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đang tìm kiếm các ứng cử viên cho 57 ghế thành viên nhà sản xuất, nhà nhập khẩu và một ghế thành viên công trong Ban xúc tiến khoai tây quốc gia. Quá trình đề cử sẽ hoàn tất trước ngày 15 tháng 8 năm 2021. USDA sẽ chỉ định các cá nhân kế nhiệm các thành viên có nhiệm kỳ hết hạn vào ngày 28 tháng 2 năm 2022. Nhu cầu về món salad tăng khiến nhập khẩu dưa chuột của Hoa Kỳ tăng

lên, nhất là trong các tháng mùa đông, mùa thu và đầu mùa xuân khi nguồn cung trong nước hạn chế. Nhập khẩu dưa chuột tươi của Hoa Kỳ, phần lớn từ Mexico và Canada, đạt tổng giá trị gần 2,2 tỷ pound vào năm 2020, và 18% dưa chuột nhập khẩu được trồng trong nhà kính. Sản lượng dưa chuột nhà kính của Hoa Kỳ tăng lên, hiện chiếm khoảng 11% dưa chuột trồng ở Hoa Kỳ, đã làm giảm nhu cầu đối với dưa chuột tươi trồng tại ruộng trong hai thập kỷ qua.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4 năm 2021 đạt 20,7 triệu USD, chiếm 5,1% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 56,0% so với tháng trước (đạt 13,3 triệu USD) và tăng 54,2% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 13,4 triệu USD). Tính chung bốn tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 57,4 triệu USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 49,2 triệu USD).

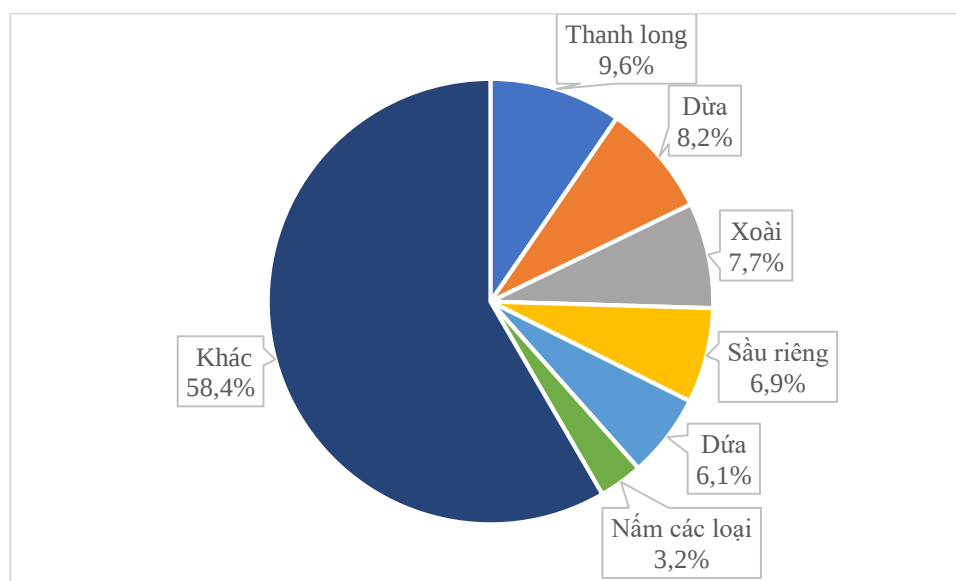
Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 4 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 12,7 triệu USD (chiếm 61,3% thị phần, tăng 141,3% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 8,0 triệu USD (chiếm 38,7% thị phần), giảm 1,9%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 3,0 triệu USD (tăng 106,9% so với cùng kỳ năm 2020); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 2,5 triệu USD (tăng 104,2%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,1 triệu USD (tăng 116,1%); ...

Trong tháng 4 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm thanh long đạt 2 triệu USD (chiếm 9,6% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 99,2% so với cùng kỳ năm 2020); dưa đạt 1,7 triệu USD (chiếm 8,2%, tăng 118,4%); xoài đạt 1,6 triệu USD (chiếm 7,7%, tăng 158,9%); sầu riêng đạt 1,4 triệu USD (chiếm 6,9%; cao gấp 30 lần); dứa đạt 1,3 triệu USD (chiếm 6,1%, tăng 90,9%); ...

Hình 5. Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 4 năm 2021 đạt 24,4 triệu USD, chiếm 23,0% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 20,0 triệu USD). Tính chung bốn tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 101,6 triệu USD, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 102,1 triệu USD). Trong tháng 4/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là hạt dẻ đạt 9,2 triệu USD (chiếm 37,7%, tăng 110,3% so với cùng kỳ năm 2020); hạnh nhân đạt 6,3 triệu USD (chiếm 25,7%, giảm 23,1%); táo đạt 3,4 triệu USD (chiếm 13,7%, tăng 121,8%); óc chó đạt 2,6 triệu USD (chiếm 10,5%, giảm 11,3%); khoai tây đạt 1,2 triệu (chiếm 4,8%, giảm 21,7%); ...

Trong tháng 4/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II và Công ty TNHH Thương mại Vian H&T với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 19,2%; 9,9% và 5,3%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II giảm 39,6%, Công ty TNHH Thương mại Vian H&T tăng 312,7%. Trong khi đó, Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam không xuất khẩu trong tháng 4/2020 nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu trong tháng 4/2021.

3. CÀ PHÊ

Theo báo cáo của Hiệp hội Cà phê Quốc gia Hoa Kỳ (NCA) và Hiệp hội Cà phê Đặc sản (SCA), 73% người uống cà phê đặc sản có nhiều khả năng bỏ lỡ các quán cà phê thông thường của họ. Mặc dù đại dịch chắc chắn đã ảnh hưởng đến mô hình tiêu dùng trong ngắn hạn, nhưng đây có thể là nguyên nhân gây lo ngại trong ngành cà phê đặc sản, vì tiêu thụ

đặc sản tiếp tục có xu hướng giảm trong ba năm qua. Các báo cáo trước đây của NCA cho thấy mức tiêu thụ cà phê đặc sản ở mức 41% trong giai đoạn 2017-18, giảm xuống 39% vào tháng 1 năm 2020 và hiện giảm xuống 36% vào tháng 1 năm 2021. Nguyên nhân chính là do tiêu thụ cà phê nguyên hạt hoặc cà phê xay đặc sản truyền thống giảm 4%, trái ngược với những sản phẩm như cà phê espresso, đồ uống pha sẵn. Mức tiêu thụ cà phê đặc sản trong ngày qua cao nhất ở người Hoa Kỳ gốc Tây Ban Nha (44%), người Mỹ gốc Á (38%), người da trắng (35%) và người Mỹ gốc Phi (28%).

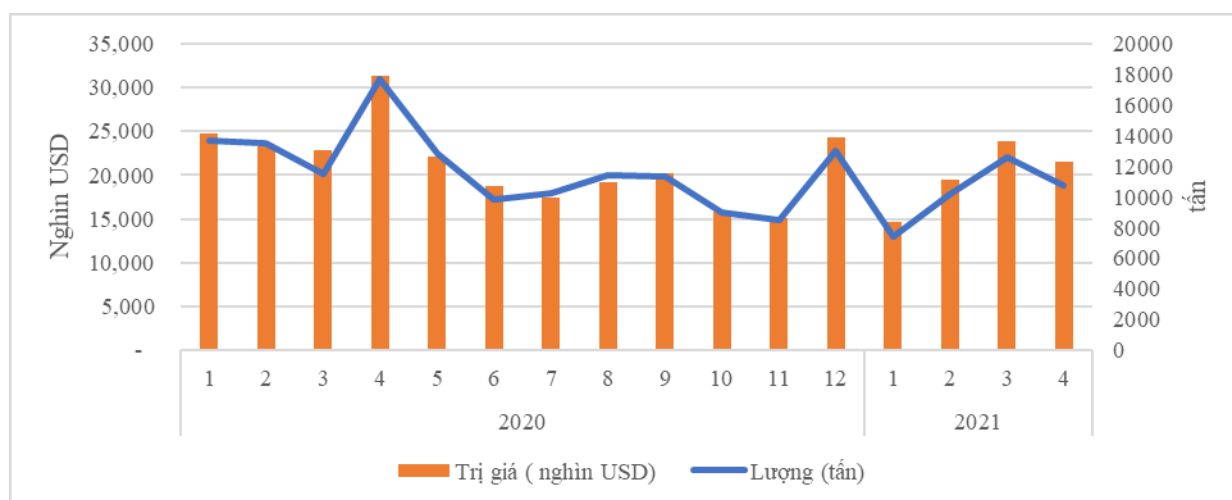
Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) đã yêu cầu Cơ quan Nông nghiệp Hawaii (HDOA) cho phép sử dụng thuốc diệt nấm hóa học trong cuộc chiến chống lại bệnh gỉ lá cà phê đang nổi lên của bang, được phát hiện lần đầu tiên ở bang Hawaii vào tháng 10 năm ngoái trên đảo Maui. Theo Hiệp hội Cà phê Hawaii, đây là mối đe dọa rất lớn đối với Hawaii, nơi giá trị thị trường của cà phê nhân trong niên vụ 2019-20 ước tính là 102 triệu USD, với giá trị cà phê rang là 148 triệu USD. Miễn trừ khẩn cấp của EPA cho phép nông dân trồng cà phê Hawaii sử dụng thuốc diệt nấm trên cây cà phê tạm thời trong một năm trừ khi sản phẩm nhận được sự chấp thuận vĩnh viễn của EPA.

Cuộc sống ở Hoa Kỳ đang dần trở lại trạng thái bình thường trong bối cảnh nhiều bang ở nước này đang gỡ bỏ các hạn chế để phòng Covid-19 và số lượng người được tiêm phòng gia tăng đáng kể. Lệnh giới nghiêm đối với quán bar, nhà hàng đã chấm dứt tại nhiều bang, thị trường cà phê nội địa được kỳ vọng sẽ hồi phục. Thị trường vận chuyển tuyến Châu Á- Hoa Kỳ không có dấu hiệu giảm tốc, tiếp tục tăng nóng hơn khi nhu cầu vẫn mạnh trong khi nhiều chuyến tàu bị hủy đã làm giảm công suất trên tất cả các tuyến vận chuyển từ Châu Á đến nước này.

Theo số liệu thống kê mới nhất từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ trong quý I đạt 367 nghìn tấn, trị giá 1,4 tỷ USD, giảm 3,3% về lượng, nhưng tăng 2,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Quý I, Hoa Kỳ giảm nhập khẩu chủng loại cà phê trừ cà phê rang và loại bỏ caffein (HS 090111) với mức giảm 2,7% về lượng nhưng tăng 0,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 322,5 nghìn tấn, trị giá 1,05 tỷ USD. Ngược lại, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu cà phê rang, không bao gồm cà phê đã khử caffein (HS 090121) với mức tăng 9,1% về lượng và tăng 12,8% về trị giá, đạt 24,2 nghìn tấn, trị giá 300,3 triệu USD.

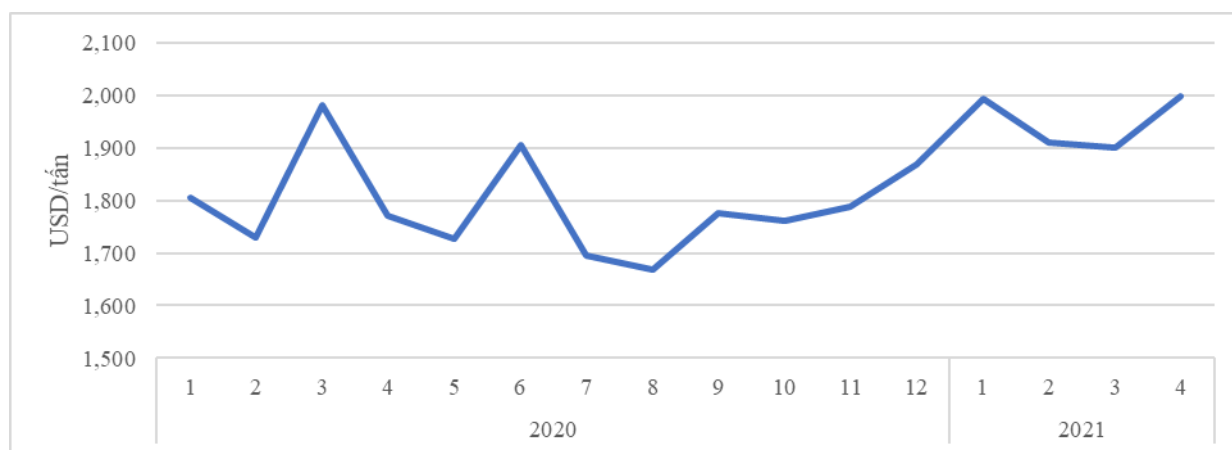
Trong quý I, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu cà phê từ các thị trường Brazil, Colombia, Guatemala, nhưng giảm nhập khẩu từ Việt Nam, Honduras. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 8,03% trong quý I, thấp hơn so với 12,21% trong quý I/2020.

Hoa Kỳ là quốc gia nhập khẩu cà phê xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các nước. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 4/2021 đạt 10,7 nghìn, trị giá 21,45 triệu USD, giảm 14,59% về khối lượng và giảm 22,65% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 4/2020, xuất khẩu giảm 39,2% về khối lượng và giảm 31,4% về giá trị.

Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 4/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt trung bình 1.997 USD/tấn, tăng 5,15% so với tháng 3/2021, đồng thời tăng 12,79% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

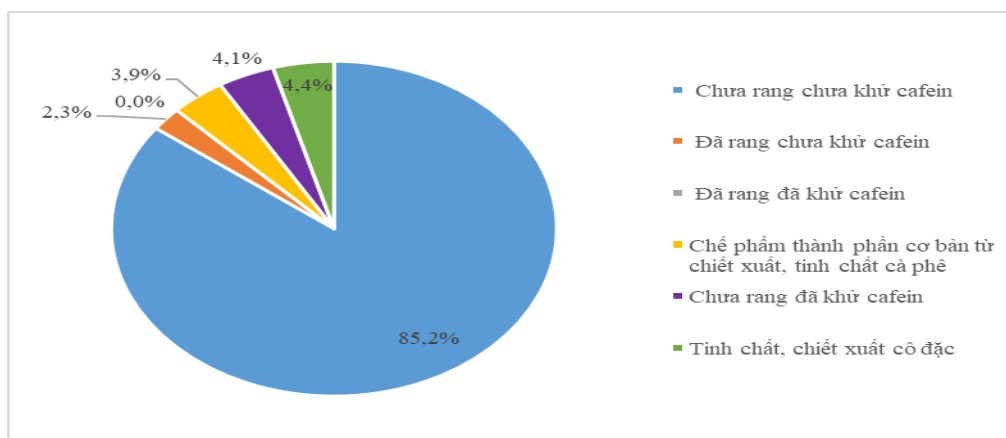
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 91,64%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 8,836%, tỷ trọng cà phê chế biến đã giảm 0,45% so với tháng trước nhưng tăng 1,65% so với cùng kỳ năm 2020. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 4/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử cafein đạt 18,29 triệu USD, chiếm tỷ trọng 85,25%, tăng giảm 31,34% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffeine đạt 489 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 2,28%, tăng 2,49% so với cùng kỳ. Cà phê chưa rang, đã khử cafein đạt 880 nghìn USD, chiếm 4,11%, giảm 57% so với cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất,

tinh chất cà phê đạt 884 nghìn USD, chiếm 3,94%, tăng 92,4% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 1,6 triệu USD, chiếm 4,42%, giảm 42,88% so với cùng kỳ.

Hình 8. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 4/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

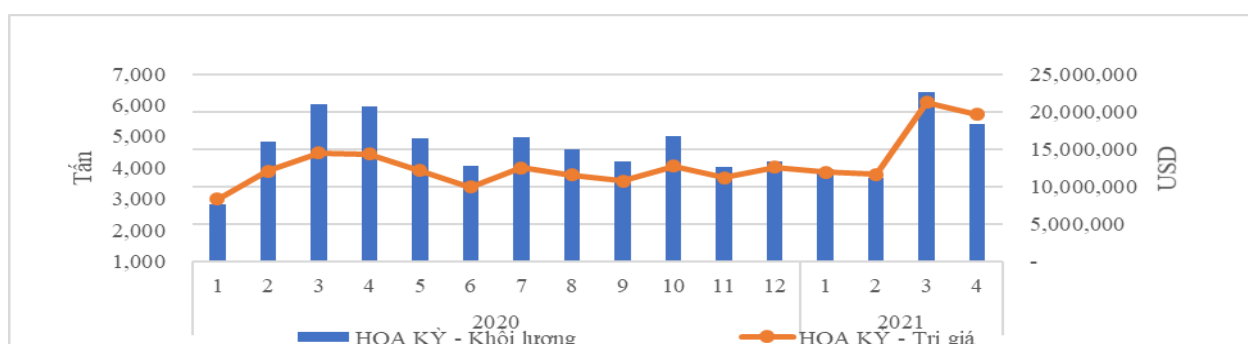
Trong tháng 4/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Cát Quế, Công Ty TNHH Mercafe Việt Nam, Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Intimex với thị phần lần lượt là: 14,87%; 10,46% và 7,59%.

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong quý 1 năm 2021, Hoa Kỳ đã nhập khẩu 14 nghìn tấn hồ tiêu Việt Nam, tăng 28,65% so với quý 1 năm 2020 và bằng 31,45% so với tổng kim ngạch hồ tiêu của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này. Tiêu đen vẫn là sản phẩm được ưa chuộng nhất, chiếm 91% tổng kim ngạch hồ tiêu xuất vào thị trường này, trong đó tiêu đen chưa xay chiếm 54,52% và tiêu đen đã xay chiếm 36,47%. Xét trong quý 1/2021, Hoa Kỳ vẫn là quốc gia nhập khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 32,57% tổng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu được 5.390 tấn hồ tiêu với trị giá 19,6 triệu USD, giảm 10,76% về khối lượng và tăng 35,5% về giá trị so với tháng 3/2021.

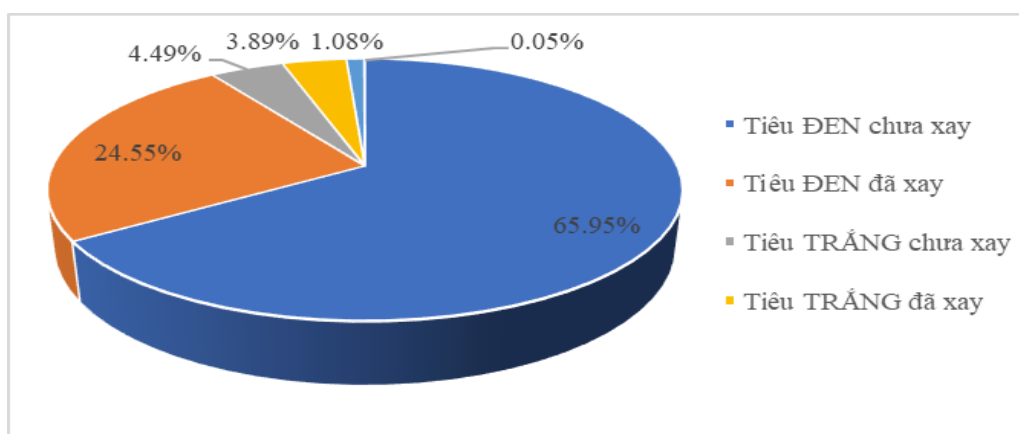
Hình 9. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 65,95% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 10,6% so với tháng trước và tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 24,55% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này, tăng 20,62% so với tháng trước và tăng 17,08% so với cùng kỳ năm trước.

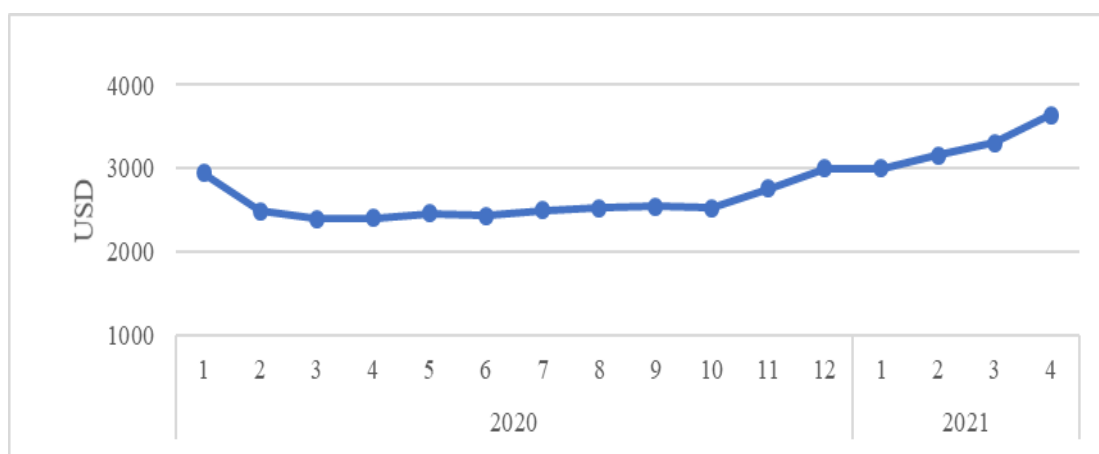
Hình 10. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Khối lượng xuất khẩu giảm song giá trị tăng trong tháng 4/2021 là do giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này tăng khá nhiều, đạt mức 3.638 usd/tấn, tăng 51,8% so với tháng trước và tăng 51,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11. Giá xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



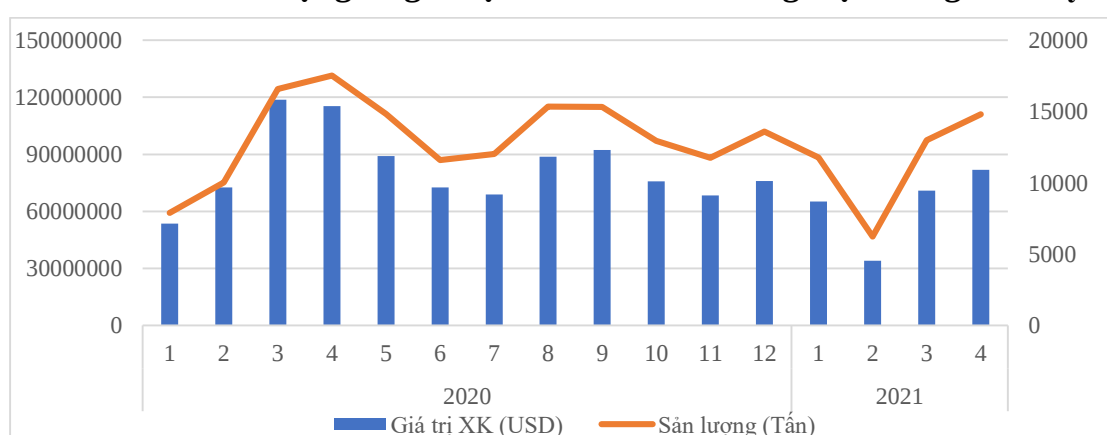
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Trong tháng 4/2021, vẫn giữ vị trí số 1 trong Top 3 công ty xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Long Bình – Công ty TNHH Olam Việt Nam, chiếm 17,39% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này, tăng 68,9% so với cùng kỳ năm trước song lại giảm 20,6% so với tháng 3/2021. Xếp sau là Công ty CP Phúc Sinh và Công ty CP sản xuất dịch vụ xuất nhập khẩu Hà Nội, chiếm lần lượt là 12,38% và 10,62% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này, tăng lần lượt là 32,9% và 116,2% so với tháng 3/2021.

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 14,81 nghìn tấn, trị giá 81,84 triệu USD, giảm 15,5% về khối lượng và 29,1% về giá trị so với tháng 4/2021. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước, tăng 14% về khối lượng và 15,3% về giá trị. Tính hết 4 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 170,16 triệu USD, tương ứng với 31,01 nghìn tấn, giảm 30,5% về giá trị và 10,1% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 12. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất của xuất khẩu điều Việt Nam trong tháng 3/2021, chiếm 34,7% tổng khối lượng và 32,3 % về tổng giá trị. Sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này bao gồm các sản phẩm như điều tươi đã bóc vỏ và hạt điều rang . Trong đó, điều tươi đã bóc vỏ vẫn là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu, chiếm tới 89,60%%, đạt 73,33 triệu USD, , tăng 19,3% so với tháng trước và giảm 33,7% so với cùng kỳ năm trước. Hạt điều đã rang đạt 8,51 triệu USD, chiếm 10,4% tăng 75,2% so với tháng 4/2020 nhưng giảm 5,7% so với tháng 3/2021.

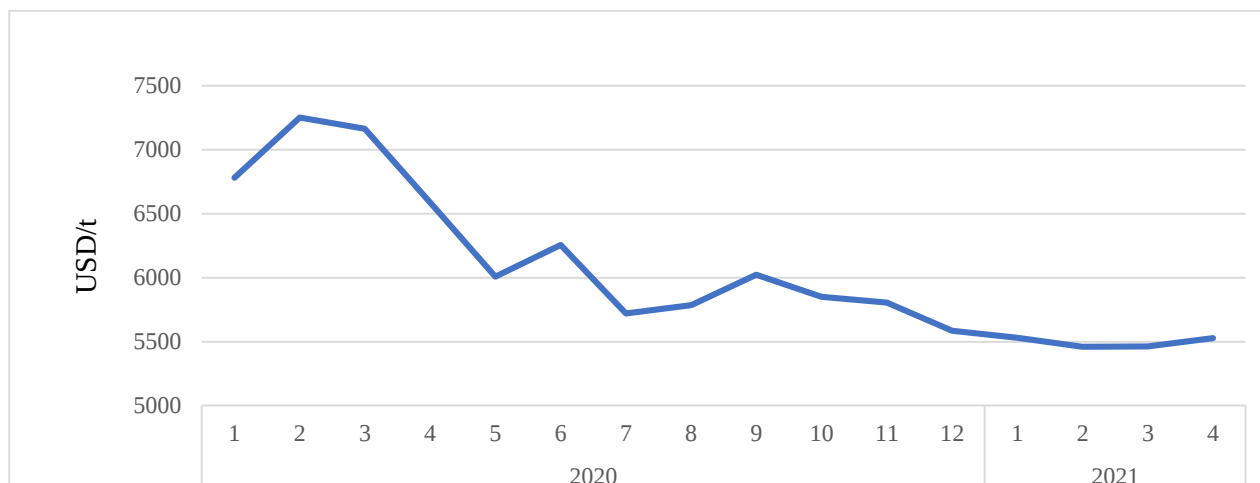
Hình 13. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải Quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ có xu hướng tăng nhẹ trở lại. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 4/2021 đạt 5.527,93 USD/tấn, tăng 1,2% so với tháng trước và giảm 16,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 5,45 USD/kg giảm 0,4% so với tháng trước và 17,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



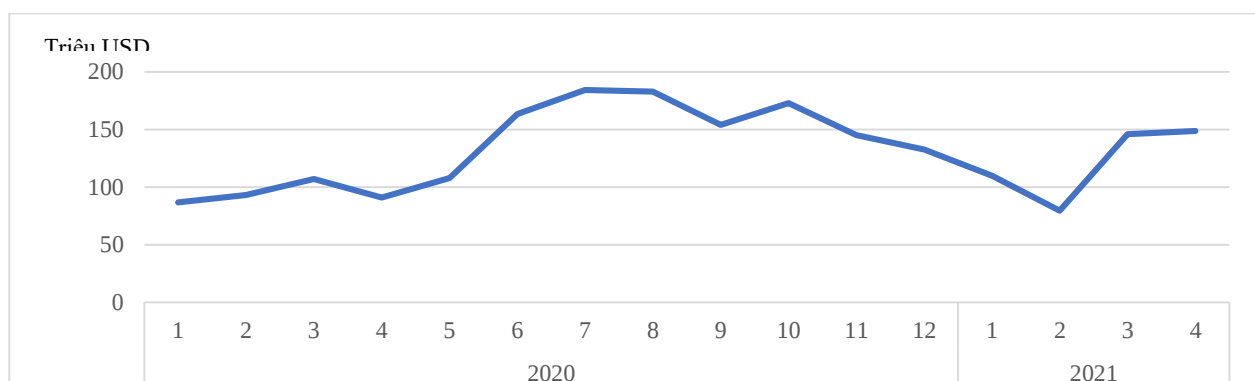
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 4/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH OLAM Việt Nam chiếm 5,55% tổng giá trị điều xuất khẩu sang thị trường này; Công ty TNHH chế biến thực phẩm OLAM Việt Nam chi nhánh tại Biên Hòa II chiếm 5,22% và Công ty TNHH sản xuất thương mại Phúc Vinh chiếm 4,39%.

6. THỦY SẢN

Hoa Kỳ vẫn duy trì là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng 4/2021. Theo tổng cục hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt hơn 148,8 triệu USD, chiếm 19,48% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam, tăng 63,5% so với cùng kỳ năm 2020, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 4 tháng đầu năm 2021 đạt 483,7 triệu USD, tăng 28,16% so với cùng kỳ năm trước.

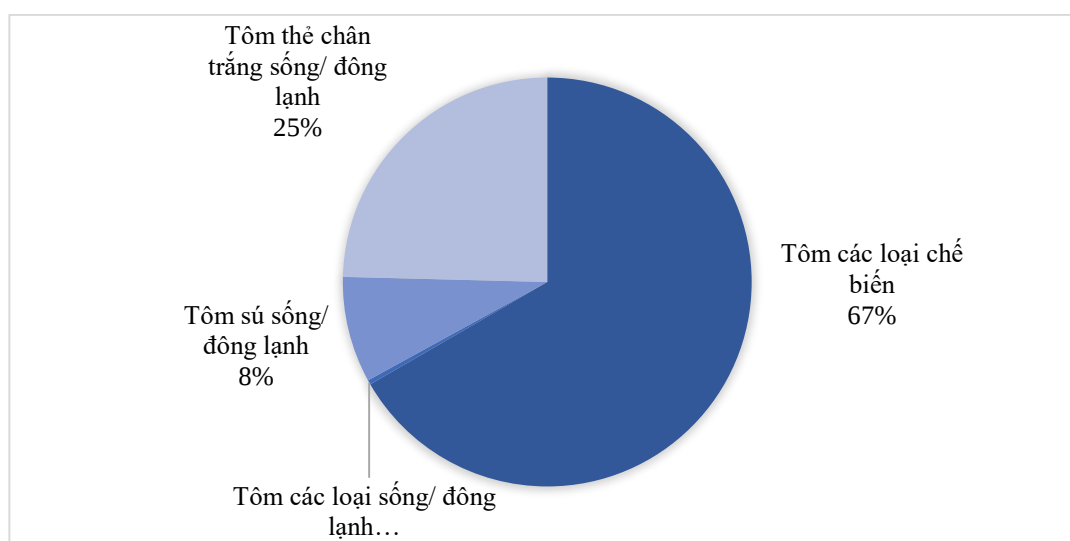
Xuất khẩu thủy sản sang thị trường giữ vững được đà tăng trưởng từ tháng 2/2021 nhưng đang có xu hướng chững lại. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 4/2021, chiếm 43%, cá ngừ và cá da trơn đều khoảng hơn 20%.

Hình 15. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng cá da trơn, giá trị xuất khẩu tháng 4/2021 đạt 30,35 triệu USD, tăng 136,8% so với cùng kỳ năm trước và 4,6% so với tháng 3/2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 29,46 triệu USD, chiếm 97,1%, tăng 138,6% so với cùng kỳ năm 2020; Cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,87 triệu USD, chiếm 2,9%, tăng 94,6%.

Mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tháng 4 năm 2021 đạt 64,03 triệu USD, tăng 47,7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,3% so với tháng 3/2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 15,75 triệu USD, chiếm 24,6% tổng sản lượng tôm xuất khẩu, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm trước; Tôm chế biến các loại đạt 42,68 triệu USD, chiếm 66,7%, tăng 52,2%; Tôm sú sống/đông lạnh đạt 5,37 triệu USD, chiếm 8,4%, tăng 129,9%; Tôm các loại khác sống/đông lạnh đạt 0,23 triệu USD, chiếm 0,4%, giảm 63,6%.

Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2021

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa kỳ như sau: Cá ngừ đạt 30,90 triệu USD, tăng 58,8%; Cá rô phi đạt 0,50 triệu USD, tăng 161,5%; Mực và bạch tuộc đạt 1,99 triệu USD, tăng 47,7%; Cua – ghẹ đạt 4,67 triệu USD, tăng 395,2%; Các loại thủy sản khác đạt 16,35 triệu USD, tăng 23,1% so với cùng kỳ 2020. Giá xuất khẩu cá ngừ

tháng 3/2021 đạt trung bình 9,18 USD/kg, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2020; Tôm đạt 9,99 USD/kg, giảm 10,6%; Cua, ghẹ đạt 17,66 USD/kg, giảm 28,4%.

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	7,63	155,3%	-26,7%
2	Cá ngừ	9,25	-4,8%	1,0%
4	Cua, ghẹ	17,67	15,9%	-0,3%
5	Mực và bạch tuộc	12,40	5,7%	-4,4%
6	Tôm	10,16	-8,7%	1,8%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

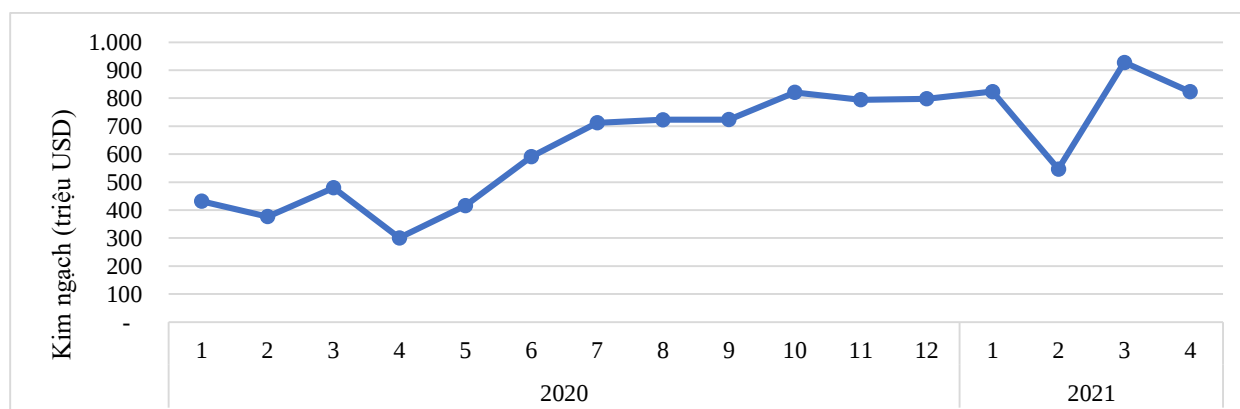
Tháng 4 năm 2021, Top 3 công ty có giá trị xuất khẩu lớn sang thị trường Hoa Kỳ là: Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng, chiếm 12,8% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn chiếm 8,9%; Công ty TNHH thủy sản Biển Đông chiếm 6,6%.

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Sau khi giảm mạnh vào tháng 2/2021, nhập khẩu đồ gỗ nội ngoại thất của Hoa Kỳ đã tăng trở lại trong tháng 3 ở mức 2,05 tỷ USD, tăng 18% so với tháng trước. Nhập khẩu đồ gỗ nội ngoại thất trong quý I/2021 của Hoa Kỳ đã tăng 39% so với cùng kỳ năm 2020. Ngoại trừ nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc chỉ tăng 3%, nhập khẩu từ các thị trường chủ chốt khác đều tăng hơn 10%. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đã tăng hơn 20% trong tháng 3 so với tháng trước và tăng 56% cùng kỳ năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 823,2 triệu USD, giảm 11,3% so với tháng 03/2021 và tăng mạnh 173,6% so với cùng kỳ năm 2020.

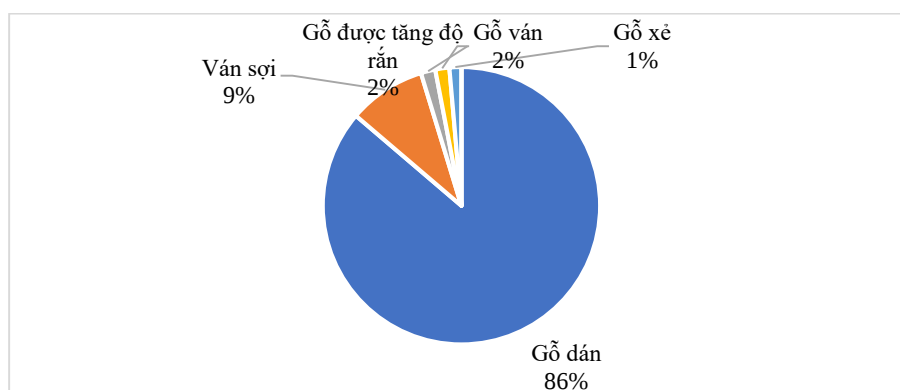
Hình 17. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 28,2 triệu USD, chiếm 86,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 3,0 triệu USD, chiếm 9,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 1,7% và 1,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 18. Chủng loại gỗ và SP gỗ (mã HS 44) XK sang Hoa Kỳ tháng 04/2021



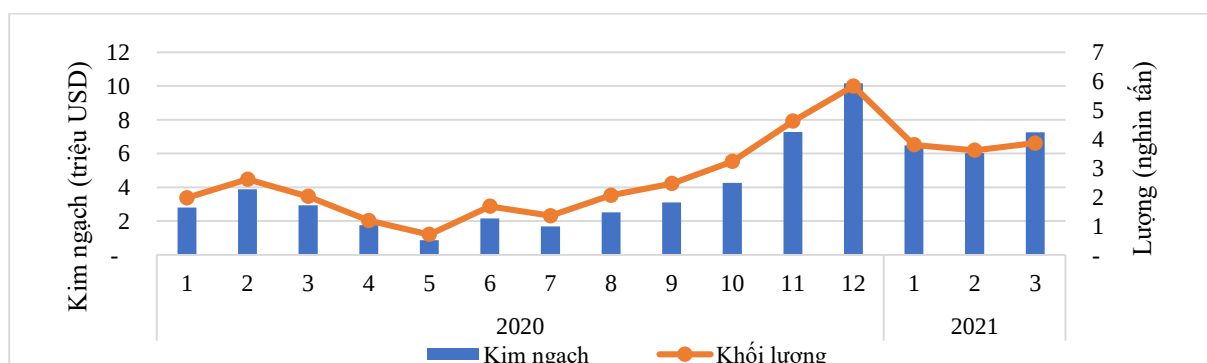
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH MTV Gỗ Khang Đạt, Công ty Cổ phần Ván Sàn Kim Tín và Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 14,5%, 8,3% và 7,3% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 04/2021.

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 04/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 1,2 nghìn tấn với trị giá 2,2 triệu USD, giảm mạnh 70,0% về khối lượng và 70,2% về giá trị so với tháng trước, và giảm 2,6% về khối lượng và tăng 23,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

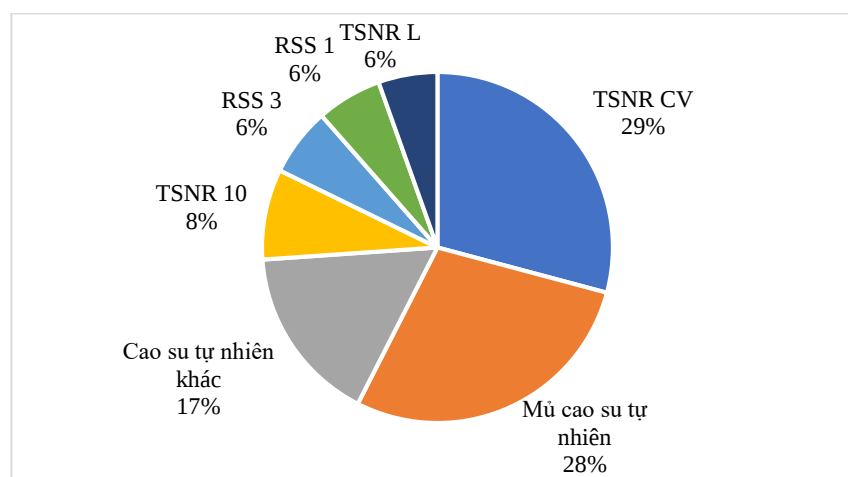
Hình 19. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, cao su tự nhiên đã định chuẩn về kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 631,4 nghìn USD, chiếm 29,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 613,9 nghìn USD, chiếm 28,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là tấm cao su xông khói TSNR 10 và RSS 3, chiếm lần lượt 8,3% và 6,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

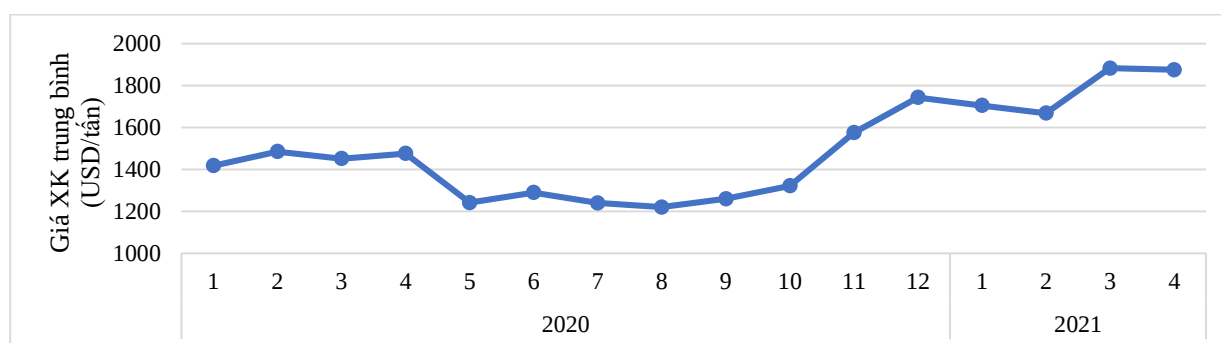
Hình 20. Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 04/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ giảm nhẹ trong tháng 04/2021 đạt mức 1.876 USD/tấn, giảm 0,4% so với tháng trước, và tăng 27,0% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 21. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH Cao su MARDEC Sài Gòn, Công ty CP Cao su Tân Biên và Công ty CP Đầu tư Cao su Việt Nam. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 16,7%, 15,9% và 11,5% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 04/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Theo USDA, trong tháng 5/2021, các vùng trồng lúa tại Hoa Kỳ đã bước vào thời kỳ gieo trồng. Tuy nhiên diện tích có xu hướng giảm ở các bang Arkansas và các vùng khác thuộc đồng bằng sông Mississippi do một phần diện tích bị chuyển đổi sang trồng ngô và đậu tương do giá tăng cao. Ngoài ra, khu vực California dự báo cũng sẽ giảm diện tích do ảnh hưởng của hạn hán dẫn đến thiếu nước cho trồng lúa. Điều này sẽ gây ảnh hưởng đến sản lượng của năm 2021/22. Theo dự báo cập nhật tháng 5/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2021 tiếp tục được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn, tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2020. Mức nhập khẩu gạo năm 2021 của Hoa Kỳ dự báo đạt 1,2 nghìn tấn, giảm khoảng 0,01 nghìn tấn so với năm 2020.

2. Cà phê

Theo dự báo của USDA ra vào tháng 12/2020, tiêu thụ nội địa của Hoa Kỳ niên vụ 2020/2021 vào khoảng 26.587 nghìn bao, tăng 2,14% so với niên vụ 2019/2020, nhập khẩu dự kiến 27.150 nghìn bao, tăng 8,38% so với niên vụ trước. Việc nới lỏng và dỡ bỏ hoàn toàn các hạn chế giãn cách xã hội do Covid -19 là một yếu tố tích cực đối với thị trường cà phê Hoa Kỳ. Tuy nhiên, giá cước vận chuyển được dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh do tình trạng thiếu container trầm trọng vẫn chưa khắc phục được trong khi tắc nghẽn đường sắt vẫn là một vấn đề tại các điểm đến ở khu vực Bắc Mỹ làm tăng thời gian vận chuyển của các dịch vụ vận tải đa phương thức. Giá cà phê dự kiến sẽ tăng trong thời gian tới, việc xuất khẩu cà phê của Việt Nam vẫn còn nhiều trở ngại.

3. Hồ tiêu

Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu lớn thứ nhất về hồ tiêu thế giới, chiếm 17,4% tổng kim ngạch hồ tiêu xuất khẩu của toàn thế giới trong tháng 4/2021 (đứng thứ 2 là Trung Quốc chiếm 12,1%). Hồ tiêu của Việt Nam trong thị trường Hoa Kỳ vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất về giá trị, chiếm xấp xỉ 27% tổng giá trị tiêu nhập khẩu của thị trường này trong tháng 4/2021, đứng sau là Ấn Độ và Trung Quốc, chiếm lần lượt là 17% và 14%. Tuy nhiên, khối lượng xuất khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ đang giảm, xếp sau Ấn Độ. Dự báo, xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường này trong tháng tiếp theo sẽ vẫn giảm xút do giá hồ tiêu trong nước đang tăng quá cao so với giá quốc tế cùng với tình trạng thiếu vỏ container và cước biển từ Việt Nam sang Hoa Kỳ đang tăng rất cao..

4. Thủy sản

Theo VASEP, nhu cầu tiêu thụ của người Hoa Kỳ bùng nổ sau thời gian giãn cách xã hội chống COVID-19, dự báo xuất khẩu thủy sản 5 tháng đầu năm sang thị trường này sẽ ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng như cá tra tăng 57%, tôm tăng 21%, cá ngừ tăng 17%... Việc triển khai nhanh và rộng rãi chiến dịch tiêm phòng COVID-19 cùng với gói kích thích

kinh tế kịp thời của Chính phủ Hoa Kỳ đã mang lại động lực để nhu cầu tiêu thụ thủy sản của nước này hồi phục thần tốc không chỉ ở phân khúc bán lẻ mà cả các kênh dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, giải trí... Việt Nam đang có cơ hội lớn để tăng thị phần tại thị trường Hoa Kỳ khi Ấn Độ bị ảnh hưởng COVID-19 nặng nề và Trung Quốc bị giảm xuất do chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung và do chính quy định kiểm soát COVID-19 của nước này.

Tuy nhiên, việc hai nước cạnh tranh khác là Ecuador và Indonesia đang gia tăng xuất khẩu tôm sang Hoa Kỳ. Ngoài ra, Ấn Độ có thể hồi phục trong vài tháng tới là những yếu tố mà các doanh nghiệp tôm cần tính toán trong chiến lược xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

5. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Giá gỗ xẻ tăng cao là một trong những nguyên nhân chính khiến giá nhà ở tại Hoa Kỳ trong thời gian qua cũng tăng theo. Theo đó, Hiệp hội quốc gia về xây dựng nhà ở (NAHB) đã kêu gọi chính quyền nói lỏng thuế nhập khẩu 9% đối với gỗ nhập khẩu từ Canada. Điều này cho thấy nhu cầu nhập khẩu gỗ xẻ của Hoa Kỳ có xu hướng tăng trong những tháng tới.

6. Cao su

Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) dự báo, giá cao su tự nhiên trên toàn cầu trong ngắn hạn sẽ tăng nhẹ khi nhu cầu cao su tăng lên, giá dầu mỏ tăng, nguồn cung hạn hẹp và đồng USD mạnh lên so với các đồng tiền khác. Theo ANRPC, chiến dịch tiêm chủng tích cực ở các nền kinh tế phát triển sẽ là yếu tố hỗ trợ nhu cầu cao su toàn cầu, nhất là ở những thị trường như Trung Quốc, Hoa Kỳ và châu Âu.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 4/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 04/ 2021 (USD)	Tăng /giảm so T3/2021	Tăng /giảm so T4/2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	21,458,981	-10.19%	-31.43%	1.80%
2	Cao su	2,168,295	-70.16%	23.70%	0.18%
3	Chè	679,589	-0.99%	25.53%	0.06%
4	Gạo	841,091	-38.19%	172.51%	0.07%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	823,245,837	-11.26%	173.60%	68.95%
6	Hàng rau quả	20,710,092	56.01%	54.18%	1.73%
7	Hàng thủy sản	148,907,037	1.99%	63.63%	12.47%
8	Hạt điều	81,841,026	15.33%	-29.10%	6.85%
9	Hạt tiêu	19,608,637	-7.74%	36.70%	1.64%
10	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	32,048,631	8.81%	227.45%	2.68%
11	Sản phẩm từ cao su	32,398,662	-14.29%	127.23%	2.71%
12	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	10,084,799	6.73%	10.76%	0.84%
Tổng XK NLTS		1,193,992,677			100.00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 04/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 4/2020		Tháng 4/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	372	273.655	896	738.952	140,8%	170,0%
2	Gạo trắng	-	-	105	54.213		
3	Gạo Japonica	23	16.783	61	43.374	161,5%	158,4%
4	Các loại gạo khác	22	18.209	6	4.553	-74,7%	-75,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 4/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 4/2020 (USD)	Tháng 4/2021 (USD)	So sánh T4.2021/T4.2020
	Tổng giá trị XK	13.431.995	20.710.092	54,2%
1	Thanh long	997.844	1.988.042	99,2%
2	Dừa	778.253	1.699.517	118,4%
3	Xoài	613.281	1.587.510	158,9%
4	Sầu riêng	55.022	1.430.240	2499,4%
5	Dứa	658.273	1.256.425	90,9%
6	Nấm các loại	526.503	658.922	25,2%
7	Vú sữa		18.800	
8	Chôm chôm	39.801	147.799	271,3%
9	Nhãn	170.984	27.888	-83,7%
10	Vải	42.255		-100,0%
11	Khác	9.549.779	11.894.950	24,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 4/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 4/2020 (USD)	Tháng 4/2021 (USD)	So sánh T4.2021/T4.2020 20
1	Chưa rang, chưa khử caffein	26.642.850	18.292.805	-31,34%
2	Chưa rang, đã khử caffein	477.499	489.389	2,49%
3	Đã rang, chưa khử caffein	763	2.137	180,23%
4	Đã rang, đã khử caffein	438.985	844.844	-
5	Chiết xuất, tinh chất và cô đặc	2.072.645	880.968	-57,50%
6	Chế phẩm chiết xuất, tinh chất hoặc cô đặc	1.661.058	948.837	-42,88%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 4/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 4/2020 (USD)	Tháng 4/2021 (USD)	So sánh T4.2021/T4.2020 20
1	Cá da trơn	30.346.191,80	12.812.664,70	136,8%
2	Cá ngừ	30.898.934,14	19.454.709,25	58,8%
3	Cá rô phi	499.925,40	188.573,55	165,1%
4	Cua, ghe	4.673.540,86	943.821,21	395,2%
5	Mực và bạch tuộc	1.994.298,42	1.069.185,78	86,5%
6	Tôm	64.027.864,18	43.362.050,51	47,7%
7	Thủy sản khác	16.354.603,75	13.169.476,00	24,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan